

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2023/ HNGĐ- ST

Ngày 10/7/2023

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Sao Hôm

Bà Hứa Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 231/2022/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20A/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ninh Thị M, sinh năm 1984

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1978

Đều có địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện K, tỉnh H.

Chị M, anh C đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bày:

Chị M và anh C kết hôn ngày 29/12/2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân là do anh chị không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Theo chị M, anh C là người mãi chơi,

không tu chí làm ăn, không quan tâm gì tới gia đình, vợ con, thường xuyên chơi bời, rượu chè, cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều và bị chủ nợ đến đòi làm kinh tế gia đình sa sút. Chị và các con thường xuyên sống trong cảnh lo sợ vì chủ nợ dọa gây ảnh hưởng đến việc kinh doanh của chị. Nhiều lần, chị đã trả nợ thay cho anh C nhưng anh C vẫn không thay đổi tính tình, còn mãi chơi hơn nữa. Do đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, lời qua tiếng lại, trong lúc nóng giận anh C còn đánh cả chị. Do không chịu đựng được việc anh C uống rượu, đập phá đồ đạc trong nhà và đánh chị nên năm 2018, chị đã bỏ ra ngoài sinh sống nhưng vì nghĩ đến con cái nên chị lại quay về sinh sống cùng anh C. Tuy nhiên, anh C vẫn không thay đổi tính tình, vẫn ngày càng rượu chè, cờ bạc, nợ nần nhiều hơn nên đến tháng 6 năm 2022, chị đã bỏ hẳn ra ngoài sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Thời gian ly thân, anh C có xuống tìm chị, khuyên bảo chị quay về nhưng chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết không về và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 06/9/2005, Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 09/02/2018 và Nguyễn Thị Ngọc K, sinh ngày 30/7/2015. Hiện 03 con chung vẫn đang ở cùng với chị. Nếu vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và cháu K, giao cháu A cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Hiện chị mở quán bán đồ ăn tại xã C, thu nhập hàng tháng khoảng 30.000.000đồng. Chị có điều kiện, thời gian để nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu.

Về tài sản chung, nợ: Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2022, chị có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ. Nhưng ngày 27/4/2023, chị và anh C đã thỏa thuận giải quyết xong về tài sản, nợ nên chị có đơn yêu cầu rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ. Nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ.

Tại bản tự khai, biên bản làm việc, anh C trình bày như sau: Anh và chị M kết hôn ngày 29/02/2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện K, tỉnh H. Sau khi kết hôn, anh chị có vài lần cãi nhau nhỏ. Anh xác định vợ chồng vẫn sinh sống hạnh phúc. Hiện chị M đã đưa các con ra ngoài sinh sống. Nay chị M xin ly hôn, quan điểm của anh là không đồng ý vì các con, anh đề nghị các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hòa giải để vợ chồng để hạnh phúc.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 06/9/2005, Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 09/02/2018 và Nguyễn Thị Ngọc K, sinh ngày 30/7/2015. Nếu vợ chồng ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung và tự nguyện không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

Về tài sản chung, nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ.

Qua xác minh với trưởng thôn B, xã C, huyện K, tỉnh H và ông Ch- bố đẻ chị M thể hiện: Trong quá trình chung sống, chị M và anh C phát sinh nhiều

mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C là người mải chơi cờ bạc, không tu chí làm, kinh tế gia đình sa sút dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, lời qua tiếng lại. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị M đã bỏ sang nhà chị gái sinh sống, không còn sinh sống cùng anh C nữa. Nay chị M xin ly hôn anh C thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại biên bản xác minh với giáo viên của nhiệm của cháu A, cháu K, cháu L thể hiện: Thành tích học tập của các cháu đều tốt, ngoan ngoãn, hòa đồng với bạn bè trong lớp. Chị M thường xuyên đưa đón các cháu đi học, đóng học phí, liên lạc với giáo viên chủ nhiệm để hỏi thăm tình hình học tập của các cháu, chưa khi nào thấy anh C đóng học, đưa đón các cháu hay liên lạc hỏi thăm về tình hình học tập của các cháu ở trường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 217; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M cho chị Ninh Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc C. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 06/9/2005 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 09/02/2018 và Nguyễn Thị Ngọc K, sinh ngày 30/7/2015 cho chị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 7 năm 2023 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Anh C, chị M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Ninh Thị M khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Ngọc C có địa chỉ cư trú tại xã C, huyện K, tỉnh H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị M là nguyên đơn, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C là bị đơn, không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt chị M, anh C.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ninh Thị M và anh Nguyễn Ngọc C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Ngay sau khi kết hôn, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân là do anh C mãi chơi cờ bạc, rượu chè, không tu chí làm ăn dẫn đến kinh tế gia đình sa sút. Vợ chồng thường xuyên cãi cọ, lời qua tiếng lại. Tuy vậy, anh chị vẫn chung sống cùng nhau nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện mà càng thêm trầm trọng. Vì anh C không thay đổi, tiếp tục mãi chơi cờ bạc dẫn đến không còn khả năng trả nợ. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, có lúc còn xô xát đánh nhau. Bản thân anh C mong muốn Tòa án hòa giải để đoàn tụ vợ chồng nhưng khi Tòa án tổ chức hòa giải, anh C không tham gia không có lý do chỉ nhằm gây khó khăn cho chị M. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 06/9/2005, Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 09/02/2018 và Nguyễn Thị Ngọc K, sinh ngày 30/7/2015. Chị M có nguyện vọng nuôi cháu L, cháu K; giao cháu A cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung. Nguyên vọng nuôi con của hai anh chị đều chính đáng, phù hợp với trách nhiệm người làm cha, làm mẹ. Tuy vậy, Hội đồng xét xử xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy:

Chị M hiện có nghề nghiệp ổn định, có thu nhập. Từ nhỏ đến nay, cháu L, cháu K đều sinh sống cùng với chị M. Cháu L, cháu K còn nhỏ cần có mẹ chăm sóc. Chị M lại thường xuyên quan tâm, liên hệ với nhà trường trong việc chăm sóc, dạy dỗ các cháu. Do đó, M có đủ điều kiện hơn để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt, ăn ở, học tập cho các cháu. Đối với cháu A đã lớn, tự chăm sóc được bản thân và hỗ trợ anh C trong công việc gia đình. Anh C hiện nghề nghiệp và thu nhập không ổn định. Vì thế, việc giao các cháu K, cháu L cho chị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung; giao cháu A cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng, điều kiện hoàn cảnh của anh chị và phù hợp nguyện vọng của các cháu. Chị M không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung với chị là hoàn toàn tự nguyện nên cần được chấp nhận.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Đến nay, chị M và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.4]. Về án phí: Chị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 217; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ninh Thị M.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ninh Thị M ly hôn anh Nguyễn Ngọc C.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 06/9/2005 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 09/02/2018 và Nguyễn Thị Ngọc K, sinh ngày 30/7/2015 cho chị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 7 năm 2023 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Anh C, chị M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết

- Về án phí: Chị Ninh Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0004836 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- UBND xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương